

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST
Ngày: 13 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hương

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đại H, sinh năm 1973 – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M.

Địa chỉ thường trú: Phường Phương S, TP. N, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên hệ: Khóm T, phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khóm V, phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U), sinh năm 1977; Địa chỉ: Khóm V, phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2021 của nguyên đơn ông Trần Đại H, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2018, ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M có bán thức ăn và thuốc thủy sản cho anh Nguyễn Văn T. Việc mua bán có lập hợp đồng nhưng hiện nay hợp đồng đã bị thất lạc. Theo thỏa thuận, hàng hóa được anh T hay người nhà của anh T đến cửa hàng của ông H lấy và hai bên cùng ký tên vào sổ giao nhận hàng, ký đối chiếu xác nhận công nợ hàng tháng. Sau khi kết thúc vụ tôm thì anh T phải thanh toán dứt điểm công nợ. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/4/2014 đến ngày 06/11/2018, ông H đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Tính đến ngày 09/6/2020, anh T còn nợ ông H số tiền 253.027.000 đồng.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T cùng chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U - vợ của anh T) phải liên đới thanh toán số tiền 253.027.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T, Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Tòa án đã triệu tập hai lần đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh T không có văn bản nêu ý kiến và đều vắng mặt các lần Tòa án triệu tập nêu trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U) là vợ của anh Nguyễn Văn T trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Văn T, từ năm 2014 đến năm 2018, vợ chồng chị có mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông Trần Đại H. Tính đến thời điểm hiện nay, vợ chồng chị còn thiếu ông H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 253.027.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng chị hiện nay đang gặp khó khăn, vì nuôi tôm luôn bị thất mùa nên chưa có tiền để thanh toán cho ông H. Vợ chồng chị chỉ có khả năng thanh toán cho ông H mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Cho nên theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn như đã nêu trên thì vợ chồng chị không có khả năng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tổ tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi

hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U) liên đới trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu cho nguyên đơn là 253.027.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có địa chỉ tại khóm V, phường K, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2018, nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M có thỏa thuận bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bị đơn anh Nguyễn Văn T. Khi kết toán lại, anh T còn nợ ông H số tiền 253.027.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U) là vợ của anh T thừa nhận còn nợ đối với ông H số tiền nêu trên. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 06/11/2018, vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U) còn nợ ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 253.027.000 đồng. Sau thời điểm nêu trên, ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh T, chị Thôn thanh toán nợ nhưng đến nay anh T và chị

Thôn vẫn chưa thanh toán cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [4] và [5], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U - vợ của anh T) liên đới trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 253.027.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và cần buộc vợ chồng anh T, chị Thôn liên đới thanh toán số tiền nêu trên cho ông H là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U) phải liên đới trả lãi suất cho ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Xét lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M, về việc yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U - vợ của anh T) liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu là 253.027.000 đồng.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U) liên đới thanh toán số tiền 253.027.000 đồng (*Hai trăm năm mươi ba triệu, không trăm hai mươi bảy ngàn đồng*) cho ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Tân Quang M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng

tháng vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U) phải liên đới trả lãi suất cho ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th (Nguyễn Thị U) phải liên đới chịu số tiền 12.651.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.325.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008788 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua

